TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THỦY** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2022
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lương Viết Tú**
Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Hồng Canh**
Ông **Nguyễn Thành Lâm**

- Thư ký phiên toà: Bà **Cao Thị Hồng Nhung** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà **Trần Hồng Hạnh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2022. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị P**, sinh năm: 1981. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 11, xã H X, huyện Thanh Thủy, Phú Thọ.

* Bị đơn: Anh **Đặng Văn B**, sinh năm 1980. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 11, xã H X, huyện Thanh Thủy, Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Đặng Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đặng Văn B ngày 23/6/2000, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã H X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, tình cảm thời gian đầu hòa thuận, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B không chăm lo cho cuộc sống gia đình; hai bên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và công việc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; từ tháng 04/2021 anh chị đã sống ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh B

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Ngọc H, sinh ngày 09/4/2001 và cháu Đặng Quốc L, sinh ngày 29/9/2005. Cháu

H hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không đề nghị Toà án giải quyết. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị đề nghị tự thoả thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai của anh Đặng Văn B lập ngày 14/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, bị đơn anh B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Đặng Thị P ngày 23/6/2000, hôn nhân do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H X, huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống. Đến ngày 30/4/2021 thì vợ chồng sống ly thân. Nay chị P đề nghị ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Ngọc H, sinh ngày 09/4/2001 và cháu Đặng Quốc L, sinh ngày 29/9/2005.

Cháu H hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không đề nghị Toà án giải quyết. Đối với cháu L, cháu muốn ở với bố hoặc mẹ là do lựa chọn của cháu, anh đều đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh đề nghị tự thoả thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thuỷ tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: *Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.*

- Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị P, xử cho chị được ly hôn anh B.*

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Ngọc H, sinh ngày 09/4/2001 và cháu Đặng Quốc L, sinh ngày 29/9/2005.

Cháu H hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động, vì vậy không đặt ra giải quyết.

Giao Đặng Quốc L, sinh ngày 29/9/2005 cho chị P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử(HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh B về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập, anh B có đến Toà để viết bản tự khai trình bày quan điểm tuy nhiên khi Toà thông báo cho anh B đến Tòa án để tham gia phiên hoà giải nhưng anh B vắng mặt không có lý do. chị P có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải, căn cứ quy định tại Khoản 1, 4 Điều 207 BLTTDS vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

chị P có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt; căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị P kết hôn với anh B vào ngày 23/6/2000 việc kết hôn là tự nguyện và, đăng ký tại UBND xã H X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống không hợp nhau, trong công việc và cuộc sống. Hai bên đã sống ly thân từ ngày 30/4/2021 cho đến nay. chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị ly hôn anh B.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị P và anh Đặng Văn B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau, không quan tâm đến việc hòa giải tại Tòa án, chị P đề nghị ly hôn, anh B đồng ý. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, xử cho chị được ly hôn anh B là phù hợp.

[2] Về con chung: chị P và anh B có 02 con chung là cháu Đặng Ngọc H, sinh ngày 09/4/2001 và cháu Đặng Quốc L, sinh ngày 29/9/2005.

Cháu H hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên cả hai không đề nghị Toà án giải quyết. chị P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. anh B cho biết cháu ở cùng ai là lựa chọn của cháu, anh đều đồng ý.

Xét thấy, hiện Cháu H đã thành niên là có khả năng lao động nên Toà án không đặt ra giải quyết. Xét nguyện vọng của chị P là chính đáng, hơn nữa cháu L muốn được ở cùng mẹ. Do đó HĐXX thấy cần giao cháu L cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu và chị P. anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P do chị không yêu cầu.

[3]Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: chị P và anh B đều không yêu cầu Toà án giải quyết, do vậy HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4]Về án phí: chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

*Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

*Căn cứ: Điểm a, Khoản 5,Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị P được ly hôn anh Đặng Văn B.

2. Về con chung: Cháu Đặng Ngọc H, sinh ngày 09/4/2001 hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

Xử, giao cháu Đặng Quốc L, sinh ngày 29/9/2005 cho chị Đặng Thị P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 6/2022 cho tới khi cháu L thành niên. anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: chị P anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí DSST: Chị Đặng Thị P phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0005919 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H X (TB);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lương Viết Tú